TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 143/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 233/2026/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2026, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1997;

Địa chỉ: khu phố PC 1, phường P, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: khu phố PC 1, phường P, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Vũ Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Vũ Văn N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Vũ Thành P, sinh ngày 12/6/2024, kể từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) ; Anh Vũ Văn N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y 2.000.000đ/ tháng (hai triệu đồng một tháng), kể từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Vũ Văn N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002515, ngày 16 tháng 6 năm 2026. Chị Nguyễn Thị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND KV2 - Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Phong Cốc, tỉnh Quảng Ninh (nơi ĐKKH);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Xuân Diễn